

Số: 16 /KH-UBND

Đô Lương, ngày 12 tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số xã Đô Lương năm 2026

PHẦN I: MỞ ĐẦU

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

Việc xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số xã Đô Lương năm 2026 nhằm:

Cụ thể hóa kịp thời, đầy đủ và phù hợp các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của tỉnh Nghệ An về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào điều kiện thực tiễn của xã Đô Lương.

Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ chuyển đổi số cấp xã gắn với yêu cầu đổi mới phương thức quản lý, điều hành của chính quyền cơ sở trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của UBND xã, chất lượng phục vụ người dân, tổ chức, hộ kinh doanh; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

Từng bước hình thành chính quyền số ở cấp xã, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông thôn, xã hội số an toàn, bao trùm; lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, là chủ thể và là mục tiêu của chuyển đổi số.

1.2. Yêu cầu

Kế hoạch chuyển đổi số xã Đô Lương năm 2026 phải đáp ứng các yêu cầu sau:

Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, sự chỉ đạo, điều hành thống nhất của UBND xã; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của cấp xã theo quy định hiện hành.

Đồng bộ với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, không chồng chéo nhiệm vụ với cấp tỉnh; không đề ra các nội dung vượt quá khả năng tổ chức thực hiện của cấp xã.

Các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phải cụ thể, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với nguồn lực thực tế của địa phương; tránh hình thức, dàn trải.

Lấy người dân, tổ chức, hộ kinh doanh làm trung tâm, lấy mức độ hài lòng và hiệu quả thực chất làm thước đo đánh giá kết quả chuyển đổi số.

Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, tuân thủ các quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

2. Căn cứ xây dựng Kế hoạch

Kế hoạch chuyển đổi số xã Đô Lương năm 2026 được xây dựng trên cơ sở các căn cứ chủ yếu sau:

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Các nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số;

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Đô Lương nhiệm kỳ 2025 - 2030; Chương trình hành động của Đảng ủy xã Đô Lương về thực hiện Nghị quyết Đại hội;

Đề án chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2030, định hướng đến các năm tiếp theo;

Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Đô Lương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026;

Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Đô Lương về thực hiện dự toán năm 2025 và dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, phân bổ dự toán chi ngân sách xã năm 2026;

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội xã Đô Lương giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026.

Điều kiện thực tiễn về kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật, nguồn nhân lực và mức độ sẵn sàng chuyển đổi số của xã Đô Lương.

PHẦN II: ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Điều kiện kinh tế - xã hội tác động đến chuyển đổi số

Xã Đô Lương là địa bàn nông thôn, có quy mô dân số tương đối lớn, địa bàn hành chính rộng, dân cư phân bố không đồng đều giữa các xóm. Điều kiện kinh tế - xã hội của xã trong những năm gần đây có chuyển biến tích cực, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện; tuy nhiên, vẫn còn những khó khăn nhất định ảnh hưởng đến quá trình triển khai chuyển đổi số.

Hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn xã cơ bản được đầu tư, đáp ứng nhu cầu kết nối thông tin liên lạc và truy cập Internet của cơ quan nhà nước và người dân. Mạng di động, Internet băng rộng đã phủ đến hầu hết các khu

dân cư; tuy nhiên, chất lượng kết nối tại một số khu vực chưa ổn định, đặc biệt vào giờ cao điểm.

Cơ cấu kinh tế của xã chủ yếu là nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ nhỏ lẻ; số lượng hộ kinh doanh cá thể chiếm tỷ lệ lớn, quy mô sản xuất còn hạn chế. Trình độ dân trí số của người dân chưa đồng đều, nhất là người cao tuổi, lao động nông nghiệp; việc tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số còn phụ thuộc nhiều vào sự hỗ trợ của cán bộ cơ sở và Tổ công nghệ số cộng đồng.

2. Hiện trạng Chính quyền số

2.1. Hạ tầng, trang thiết bị, kết nối

Hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin tại UBND xã và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai chính quyền số; tuy nhiên, tại một số đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó có cơ sở giáo dục, hệ thống máy tính, thiết bị phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế, chưa đồng bộ, một số đã xuống cấp. Thực trạng này ảnh hưởng nhất định đến việc triển khai các ứng dụng số trong công tác quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn.

Phòng họp trực tuyến của xã được đầu tư, đáp ứng yêu cầu tham gia các cuộc họp trực tuyến do cấp trên tổ chức; việc vận hành nhìn chung ổn định, song vẫn cần tiếp tục hoàn thiện về kỹ thuật và kỹ năng vận hành.

2.2. Ứng dụng, nền tảng số dùng chung

UBND xã đang sử dụng các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung của tỉnh, bao gồm: hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin báo cáo và nền tảng họp trực tuyến.

Việc trao đổi văn bản điện tử giữa UBND xã với các cơ quan nhà nước cấp trên từng bước được thực hiện thường xuyên; tuy nhiên, mức độ khai thác, sử dụng các tính năng nâng cao của hệ thống còn hạn chế, chủ yếu mới dừng ở yêu cầu bắt buộc.

Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận và giải quyết trực tuyến đã có chuyển biến, song người dân vẫn có thói quen nộp hồ sơ trực tiếp, đặc biệt đối với các thủ tục liên quan đến đất đai, chính sách xã hội.

2.3. Nhân lực và kỹ năng số

Đội ngũ cán bộ, công chức xã có tinh thần trách nhiệm, từng bước tiếp cận và sử dụng các ứng dụng số trong công việc. Tuy nhiên, trình độ, kỹ năng số chưa đồng đều; một bộ phận cán bộ còn lúng túng khi sử dụng các hệ thống mới, phụ thuộc vào cán bộ chuyên trách hoặc cán bộ phụ trách công nghệ thông tin.

3. Hiện trạng Kinh tế số

Hoạt động kinh tế số trên địa bàn xã bước đầu được hình thành nhưng chưa rõ nét. Một số hộ kinh doanh, hợp tác xã đã sử dụng mạng xã hội, nền tảng số để giới thiệu, quảng bá sản phẩm; tuy nhiên, tỷ lệ tham gia các sàn thương mại điện tử còn thấp, chủ yếu mang tính tự phát.

Các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm OCOP của xã đã được quan tâm xây dựng thương hiệu, song việc ứng dụng công nghệ số trong quảng bá, truy xuất nguồn gốc, mở rộng thị trường còn hạn chế.

Thanh toán không dùng tiền mặt đã được triển khai tại một số cơ sở dịch vụ; tuy nhiên, thói quen sử dụng tiền mặt của người dân vẫn phổ biến, nhất là tại khu vực nông thôn.

4. Hiện trạng Xã hội số

Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số còn ở mức khiêm tốn; phần lớn người dân chưa chủ động thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường số, cần sự hỗ trợ trực tiếp của cán bộ xã hoặc Tổ công nghệ số cộng đồng.

Các Tổ công nghệ số cộng đồng tại xóm đã được thành lập và bước đầu phát huy vai trò trong việc tuyên truyền, hướng dẫn người dân tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số thiết yếu. Tuy nhiên, hoạt động chưa đồng đều giữa các xóm, chủ yếu dựa vào tinh thần tự nguyện, kiêm nhiệm; nội dung phổ cập kỹ năng số còn đơn giản, chưa thường xuyên.

5. An toàn thông tin

UBND xã đã quan tâm triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, như: Lắp đặt các thiết bị vật lý, cấu hình các thiết bị bảo mật, xây dựng các phương án, tình huống xử lý nhằm đảm bảo an toàn thông tin, cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc, sử dụng tài khoản và mật khẩu theo quy định.

Tuy nhiên nhận thức về an toàn, an ninh mạng của một bộ phận cán bộ và người dân chưa cao, còn tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn thông tin trong quá trình sử dụng các nền tảng số.

6. Đánh giá chung

6.1. Kết quả đạt được

Chuyển đổi số bước đầu được triển khai đồng bộ trên các lĩnh vực chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

Hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số cấp xã.

Nhận thức của cán bộ, công chức và người dân về chuyển đổi số từng bước được nâng lên.

6.2. Tồn tại, hạn chế

Mức độ ứng dụng, khai thác các nền tảng số còn hạn chế; hiệu quả chưa đồng đều.

Kỹ năng số của cán bộ và người dân chưa đáp ứng yêu cầu; thói quen làm việc, giao dịch trên môi trường số chưa phổ biến.

Kinh tế số, xã hội số phát triển chậm, chưa tạo được chuyển biến rõ nét.

6.3. Nguyên nhân

Nguồn lực đầu tư cho chuyển đổi số ở cấp xã còn hạn chế.

Đặc thù nông thôn, trình độ dân trí số chưa đồng đều.

Công tác tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số chưa thường xuyên, chưa có chiều sâu.

PHẦN III: QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm chỉ đạo

Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, xuyên suốt của Đảng đối với công tác chuyển đổi số; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu. UBND xã là cơ quan tổ chức thực hiện, cụ thể hóa chủ trương của Đảng, chỉ đạo của cấp trên thành các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của cấp xã.

Thực hiện chuyển đổi số theo hướng thực chất, hiệu quả, khả thi, lấy kết quả giải quyết công việc, chất lượng phục vụ người dân, tổ chức làm thước đo; không chạy theo hình thức, không dàn trải, không đề ra các mục tiêu vượt quá năng lực và nguồn lực của địa phương.

Bảo đảm tính đồng bộ, liên thông, khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu, sẵn sàng tích hợp với các nền tảng số, hệ thống thông tin và Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) của tỉnh theo lộ trình chung, các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung của tỉnh Nghệ An; ưu tiên khai thác, sử dụng hiệu quả các nền tảng đã được đầu tư, không đầu tư manh mún, trùng lặp.

Lấy người dân, tổ chức, hộ kinh doanh làm trung tâm, vừa là đối tượng phục vụ, vừa là chủ thể tham gia chuyển đổi số; gắn chuyển đổi số với phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính và xây dựng chính quyền cơ sở hiện đại.

Gắn chuyển đổi số với bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, tuân thủ các quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

2. Mục tiêu tổng quát

Năm 2026, xã Đô Lương tập trung triển khai chuyển đổi số theo hướng đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền xã trên môi trường số; thúc đẩy phát triển kinh tế số nông thôn; từng bước hình thành xã hội số an toàn, bao trùm, góp phần cải thiện chất lượng đời sống của người dân và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Mục tiêu cụ thể theo các trụ cột

3.1. Chính quyền số

Nâng cao hiệu quả hoạt động của UBND xã thông qua việc ứng dụng đồng bộ các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung của tỉnh trong chỉ đạo, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính.

Tăng tỷ lệ xử lý công việc, hồ sơ thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; chuẩn hóa quy trình làm việc số của cán bộ, công chức xã.

Nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức; giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính.

3.2. Kinh tế số

Thúc đẩy ứng dụng nền tảng số trong hoạt động của hộ kinh doanh, hợp tác xã, nhất là trong quảng bá, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm OCOP của địa phương.

Từng bước mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt trong các giao dịch dịch vụ thiết yếu trên địa bàn xã.

Góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, tăng giá trị gia tăng cho các sản phẩm chủ lực của địa phương thông qua ứng dụng công nghệ số.

3.3. Xã hội số

Nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho người dân; khuyến khích người dân chủ động sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu.

Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng trong tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng các nền tảng số.

Góp phần thu hẹp khoảng cách số giữa các nhóm dân cư trên địa bàn xã.

3.4. An toàn thông tin

Bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động của UBND xã; hạn chế rủi ro, sự cố mất an toàn thông tin trong quá trình triển khai các hệ thống, nền tảng số.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức và người dân về an toàn, an ninh mạng.

3.5. Nhân lực và nhận thức số

Nâng cao năng lực, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức xã, đáp ứng yêu cầu triển khai chuyển đổi số ở cấp cơ sở.

Đưa nội dung chuyển đổi số trở thành nhiệm vụ thường xuyên trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của UBND xã và hoạt động của các bộ phận chuyên môn.

Từng bước hình thành văn hóa làm việc trên môi trường số trong cơ quan hành chính và cộng đồng dân cư.

PHẦN IV: CHỈ TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ XÃ ĐÔ LƯƠNG NĂM 2026

1. Chỉ tiêu về Chính quyền số

100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã được cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định.

Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận và giải quyết trên môi trường điện tử đạt từ 85% trở lên.

100% văn bản trao đổi giữa UBND xã với các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật) được thực hiện dưới dạng điện tử, có sử dụng chữ ký số theo quy định.

100% cán bộ, công chức xã sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số dùng chung của tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ.

100% cán bộ, công chức xã có tài khoản và sử dụng thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc.

100% hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung được triển khai, khai thác tại UBND xã bảo đảm kết nối thông suốt, liên thông, an toàn thông tin và sẵn sàng chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, báo cáo trên môi trường số theo hướng dẫn của tỉnh.

100% hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã được tiếp nhận, số hóa và giải quyết thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quy định.

2. Chỉ tiêu về Kinh tế số

Tỷ lệ hộ kinh doanh, hợp tác xã trên địa bàn xã có ứng dụng ít nhất một nền tảng số (mạng xã hội, sàn thương mại điện tử, thanh toán số...) trong hoạt động sản xuất, kinh doanh đạt từ 30% trở lên.

100% sản phẩm OCOP và sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã được giới thiệu, quảng bá trên môi trường số thông qua các nền tảng phù hợp.

Tỷ lệ cơ sở kinh doanh dịch vụ thiết yếu (bán lẻ, dịch vụ ăn uống, dịch vụ công cộng...) chấp nhận thanh toán không dùng tiền mặt đạt từ 50% trở lên.

Tỷ lệ chi trả tiền lương hưu, trợ cấp xã hội và các khoản hỗ trợ an sinh xã hội trên địa bàn xã được thực hiện thông qua tài khoản ngân hàng hoặc các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt đạt từ 50% trở lên.

Tỷ lệ 100% trường học trên địa bàn triển khai hình thức thu học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định.

Phần đầu trên 70% hồ sơ thủ tục hành chính có phát sinh nghĩa vụ tài chính được thanh toán bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

3. Chỉ tiêu về Xã hội số

Tỷ lệ người dân trưởng thành trên địa bàn xã có tài khoản định danh điện tử đạt mức theo chỉ tiêu cấp trên giao.

Tỷ lệ người dân tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến (trực tiếp hoặc có hỗ trợ) đạt từ 50% trở lên.

Duy trì hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng tại 100% xóm; mỗi tổ thực hiện hỗ trợ, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ số tối thiểu 02 đợt/năm.

Tỷ lệ người dân được tuyên truyền, phổ biến kỹ năng số cơ bản đạt từ 60% trở lên.

100% trường THCS trên địa bàn phối hợp tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục kiến thức, kỹ năng an toàn thông tin mạng và năng lực số cơ bản cho học sinh theo chương trình, hướng dẫn của ngành Giáo dục.

4. Chỉ tiêu về An toàn thông tin

100% máy tính, thiết bị làm việc tại UBND xã được cài đặt và cập nhật phần mềm phòng, chống mã độc theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

100% cán bộ, công chức xã được tuyên truyền, tập huấn về an toàn thông tin, an ninh mạng ít nhất 01 lần/năm.

Không để xảy ra sự cố nghiêm trọng về mất an toàn thông tin trong hoạt động của cơ quan UBND xã.

5. Chỉ tiêu về đào tạo, tuyên truyền chuyển đổi số

100% cán bộ, công chức xã được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số phù hợp với vị trí việc làm.

Tổ chức ít nhất 02 đợt tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số trong năm 2026 bằng các hình thức phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Người đứng đầu UBND xã và các bộ phận chuyên môn đưa kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số vào nội dung đánh giá, xếp loại hằng năm.

PHẦN V: NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ, giải pháp về Chính quyền số

Rà soát, chuẩn hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND xã theo hướng đơn giản, rõ ràng; tăng cường cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với các thủ tục có đủ điều kiện.

Tổ chức hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện nộp hồ sơ, thanh toán phí, lệ phí và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường số; từng bước thay đổi thói quen giao dịch trực tiếp sang trực tuyến.

Ứng dụng hiệu quả các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung của tỉnh, bao gồm hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin báo cáo, nền tảng họp trực tuyến; bảo đảm sử dụng đúng mục đích, khai thác đầy đủ các chức năng theo hướng dẫn.

Đẩy mạnh điều hành, báo cáo trên môi trường số, hạn chế tối đa văn bản giấy; nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính trong xử lý công việc trên hệ thống điện tử.

Phân công rõ trách nhiệm cho từng bộ phận, cá nhân trong việc quản trị, vận hành và sử dụng các hệ thống thông tin, nền tảng số tại UBND xã.

2. Nhiệm vụ, giải pháp về Kinh tế số

Phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp trên tổ chức hướng dẫn, hỗ trợ hộ kinh doanh, hợp tác xã trên địa bàn xã tham gia các nền tảng thương mại điện tử, mạng xã hội, nền tảng số phù hợp để quảng bá, giới thiệu sản phẩm.

Tăng cường hỗ trợ số hóa thông tin sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm OCOP, phục vụ công tác giới thiệu, quảng bá và mở rộng thị trường tiêu thụ.

Vận động, khuyến khích các cơ sở kinh doanh dịch vụ thiết yếu trên địa bàn triển khai thanh toán không dùng tiền mặt, phù hợp với điều kiện thực tế của từng loại hình dịch vụ.

Lồng ghép nội dung phát triển kinh tế số vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã; tránh đầu tư dàn trải, hình thức.

3. Nhiệm vụ, giải pháp về Xã hội số

Tiếp tục triển khai hiệu quả phong trào 'Bình dân học vụ số' nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho người dân trên địa bàn, phù hợp với điều kiện nông thôn; tập trung vào các kỹ năng số cơ bản, thiết thực như: sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số, tra cứu và khai thác thông tin thiết yếu phục vụ đời sống, học tập và lao động sản xuất.

Phối hợp với các cơ sở giáo dục trên địa bàn đẩy mạnh giáo dục kỹ năng số, an toàn thông tin mạng cho học sinh theo chương trình và hướng dẫn của ngành Giáo dục; phát huy vai trò lan tỏa của đội ngũ giáo viên, học sinh trong gia đình và cộng đồng, góp phần hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng hiệu quả các nền tảng số và dịch vụ công trực tuyến.

Đồng thời, bảo đảm cán bộ, công chức xã và các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng tham gia đầy đủ các hoạt động học tập, đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản và an toàn thông tin trên các nền tảng số theo hướng dẫn của tỉnh, đáp ứng yêu cầu triển khai chuyển đổi số tại cơ sở

Lồng ghép nội dung tuyên truyền, phổ biến kỹ năng số vào các buổi sinh hoạt xóm, hội, đoàn thể; lựa chọn hình thức phù hợp với từng nhóm đối tượng.

Khuyến khích người dân chủ động tham gia chuyển đổi số, từng bước hình thành thói quen sử dụng các dịch vụ số trong đời sống hằng ngày.

4. Nhiệm vụ, giải pháp về An toàn thông tin

Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan chuyên môn về bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong hoạt động của UBND xã.

Tổ chức rà soát, phân quyền sử dụng hệ thống thông tin; thực hiện sao lưu dữ liệu, quản lý tài khoản, mật khẩu theo đúng quy định.

Cài đặt, duy trì và cập nhật phần mềm phòng, chống mã độc trên các thiết bị làm việc tại UBND xã.

Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức và người dân về các nguy cơ mất an toàn thông tin; hướng dẫn kỹ năng sử dụng Internet, mạng xã hội an toàn.

5. Nhiệm vụ, giải pháp về phát triển nhân lực số

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức xã phù hợp với vị trí việc làm và yêu cầu nhiệm vụ.

Phân công đầu mối phụ trách chuyển đổi số cấp xã, bảo đảm thống nhất trong tham mưu, tổ chức thực hiện và tổng hợp, báo cáo kết quả.

Gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức và người đứng đầu các bộ phận chuyên môn.

Từng bước xây dựng văn hóa làm việc trên môi trường số trong cơ quan hành chính và cộng đồng dân cư.

Phối hợp với các cơ sở giáo dục trên địa bàn và các cơ quan chuyên môn cấp trên tổ chức, tham gia các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao

kỹ năng số, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ giáo viên, trong đó chú trọng giáo viên Tin học và cán bộ phụ trách chuyển đổi số tại các trường học; phát huy vai trò của lực lượng này trong hỗ trợ kỹ thuật, triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành Giáo dục và của địa phương khi cần thiết.

PHẦN VI: KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số xã Đô Lương năm 2026 được bảo đảm từ các nguồn sau:

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách; căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã về phân bổ dự toán chi ngân sách xã năm 2026 và lồng ghép từ các chương trình, dự án, nguồn vốn hợp pháp khác. Dự kiến cơ cấu kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2026 được thể hiện tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch.

Nguồn hỗ trợ từ ngân sách cấp trên (nếu có) cho các nhiệm vụ chuyển đổi số theo chương trình, kế hoạch của tỉnh, xã.

Huy động các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, bảo đảm công khai, minh bạch, không làm phát sinh nghĩa vụ tài chính cho người dân, tổ chức trái quy định.

Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

PHẦN VII: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân xã

Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện toàn diện Kế hoạch Chuyển đổi số xã Đô Lương năm 2026 theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra; bảo đảm phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

Phân công lãnh đạo UBND xã phụ trách lĩnh vực chuyển đổi số trực tiếp chỉ đạo, điều hành việc thực hiện Kế hoạch; giao công chức làm đầu mối tham mưu, theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai.

Chỉ đạo các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc UBND xã và các xóm tổ chức lồng ghép nhiệm vụ chuyển đổi số với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính, xây dựng nông thôn mới và các chương trình, đề án có liên quan; bảo đảm không chồng chéo, không vượt thẩm quyền.

Định kỳ kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn cấp trên và theo quy định hiện hành.

2. Các phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc UBND xã

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc UBND xã chủ động xây dựng phương án, nội dung triển khai chi tiết, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số thuộc lĩnh vực phụ trách; bảo đảm sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã.

Phòng Văn hóa - Xã hội là đầu mối tham mưu UBND xã trong lĩnh vực chuyển đổi số; chủ trì tham mưu, tổng hợp các nội dung liên quan đến công tác tuyên truyền, phổ cập kỹ năng số cho người dân; phối hợp với các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc UBND xã, Công an xã, các tổ chức chính trị - xã hội và các xóm triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số theo Kế hoạch.

Các phòng chuyên môn và các đơn vị trực thuộc UBND xã thực hiện nghiêm việc ứng dụng các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung của tỉnh trong xử lý công việc, giải quyết thủ tục hành chính, báo cáo, thống kê; bảo đảm dữ liệu được cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác theo quy định.

Phối hợp với đầu mối tham mưu về chuyển đổi số của UBND xã trong việc theo dõi, cập nhật số liệu, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu chuyển đổi số; phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu.

3. Công an xã, Ban Chỉ huy Quân sự xã, Trạm Y tế và các trường học trên địa bàn xã

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, chủ động triển khai các nội dung chuyển đổi số có liên quan; trong đó, Công an xã tập trung thực hiện các nhiệm vụ về định danh điện tử, quản lý, khai thác dữ liệu dân cư; phối hợp bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình triển khai các hệ thống thông tin, nền tảng số phục vụ chuyển đổi số và Đề án 06 trên địa bàn xã.

Ban Chỉ huy Quân sự xã ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, tổng hợp, báo cáo theo quy định; Trạm Y tế xã triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử; các trường học triển khai chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục, dạy học, thực hiện Học bạ số, Tuyển sinh trực tuyến theo quy định và hướng dẫn của ngành Giáo dục.

Phối hợp với UBND xã và các cơ quan chuyên môn trong việc chia sẻ dữ liệu, kết nối hệ thống thông tin; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin và hiệu quả thực chất của các nhiệm vụ chuyển đổi số.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng kế hoạch và phối hợp với Ủy ban nhân dân xã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn; tổ chức triển khai các hoạt động phổ cập kỹ năng số, phong trào “Bình dân học vụ số”, góp phần nâng cao nhận thức, hình thành thói quen và năng lực sử dụng công nghệ số trong cộng đồng dân cư.

Chỉ đạo các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc, căn cứ chức năng, nhiệm vụ và địa bàn phụ trách, chủ động xây dựng kế hoạch và trực tiếp tổ chức hoặc phối hợp tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng sử dụng các nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến và hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cho đoàn viên, hội viên, thanh niên và Nhân dân trên địa bàn xã; bảo đảm nội dung thiết thực, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu sử dụng thực tế, ưu tiên hỗ trợ các đối tượng yếu thế, người cao tuổi, người dân ít có điều kiện tiếp cận công nghệ số.

Tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số của xã, nhất là việc sử dụng nguồn lực, hiệu quả triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số gắn với quyền lợi hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; kịp thời phản ánh, kiến nghị với cấp có thẩm quyền những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

5. Các xóm và Tổ công nghệ số cộng đồng

Tổ chức triển khai các hoạt động chuyển đổi số tại cộng đồng dân cư theo hướng dẫn của UBND xã; phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng trong việc hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số thiết yếu.

Kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện về UBND xã để xem xét, giải quyết.

6. Cơ chế phối hợp, theo dõi và đánh giá

UBND xã chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06/CP xã trong việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch.

Thực hiện tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch theo quy định và hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp trên; bảo đảm số liệu trung thực, đầy đủ, đúng thời hạn.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, UBND xã chủ động xem xét, điều chỉnh, bổ sung các nội dung thuộc thẩm quyền để bảo đảm hiệu quả thực hiện Kế hoạch.

Trường hợp việc điều chỉnh liên quan đến mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu, nội dung hoặc nguồn lực đã được Hội đồng nhân dân xã quyết nghị, UBND xã báo cáo Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định theo thẩm quyền, bảo đảm phù hợp với các nghị quyết đã ban hành.

Kết quả thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số là một trong những căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số xã Đô Lương năm 2026; UBND xã yêu cầu các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc UBND xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo UBND xã (qua Phòng Văn hóa - Xã hội) để tổng hợp, tham mưu UBND xã xem xét, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch theo thẩm quyền, phù hợp với tình hình thực tế. *./.*

Nơi nhận:

- Sở KH và CN tỉnh Nghệ An (b/c);
- Thường trực Đảng ủy xã (b/c);
- Thường trực HĐND xã (b/c);
- Ban chỉ đạo về phát triển KHCN, ĐMST, CDS, CCHC và Đề án 06/CP xã (b/c);
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND xã;
- UBNDTTQ xã và các tổ chức CT- XH xã;
- Các phòng chuyên môn thuộc UBND xã;
- Trung tâm Phục vụ HCC xã;
- Trung tâm cung ứng DVC xã;
- Ban quản lý dự án ĐTXD xã;
- Công an xã;
- Ban chỉ huy Quân sự xã;
- Các Trạm Y tế trên địa bàn xã;
- Các trường học trên địa bàn xã;
- Các xóm trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, Phòng VHXX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tấn Tây

**PHỤ LỤC DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN PHỤC VỤ KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ
XÃ ĐÔ LƯƠNG NĂM 2026**

(Kèm theo Kế hoạch số 16 /KH-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2026 của UBND xã Đô Lương)

TT	Nội dung	Dự toán kinh phí (đồng)
(1)	(2)	(3)
I	Chi hoạt động phục vụ quản lý nhà nước về Chuyển đổi số	80.000.000
1	Tập huấn cán bộ xã, xóm về CDS, An toàn thông tin	20.000.000
2	Tuyên truyền, phổ biến về CDS, an toàn thông tin cho người dân	10.000.000
3	Tập huấn nâng cao năng lực số cho cán bộ	50.000.000
Nhiệm vụ triển khai theo Nghị quyết số 57-NQ/TW		
II	Chi tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết	15.000.000
1	Phát thanh, Trang thông tin điện tử chuyên đề về Chuyển đổi số; Phát động ngày chuyển đổi số.	15.000.000
III	Chi triển khai mô hình ứng dụng thực tiễn	80.000.000
1	Hỗ trợ xóm triển khai tổ công nghệ số cộng đồng (tập huấn, tài liệu, truyền thông, hướng dẫn người dân, hỗ trợ triển khai thanh toán không dùng tiền mặt, kỹ năng số)	80.000.000
IV	Chi giám sát, tổng kết, báo cáo	25.000.000
1	Họp tổng kết, đánh giá, báo cáo định kỳ, thu thập số liệu	10.000.000
2	Chi công tác phí, kiểm tra hiện trường	10.000.000
3	Chi văn phòng phẩm, tài liệu quản lý	5.000.000
TỔNG SỐ		200.000.000

Bằng chữ: (Hai trăm triệu đồng)